

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-03-2019

*“V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 15 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST - HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim L1 – Sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Thạnh L, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L - Sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh B, xã Thạnh P, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Nguyên đơn - chị Nguyễn Kim L trình bày: Chị và anh L cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2006. Sau khi cưới nhau, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 05 tháng thì đã

phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, cuộc sống vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Đến ngày 15/10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị L1 cương quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 đứa con tên Nguyễn Minh S – sinh ngày: 16/3/2005, hiện cháu S đang sống với chị L1, Chị L1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, Bị đơn - anh Nguyễn Thanh L trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị L1 về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15/10/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong hôn nhân dẫn đến cãi vã nhau, anh muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị L1 yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do còn thương vợ và con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh L đồng ý giao cháu Sang cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L1 khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh L có địa chỉ cư trú tại ấp Thạnh B, xã Thạnh P, huyện Giồng R nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim L1 và anh Nguyễn Thanh L cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L1 xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị L1 cũng đã cho anh L nhiều cơ hội sửa chữa khuyết điểm của bản thân nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị L1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, vợ chồng ly thân từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”. Nhưng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng ly thân trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L1 vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị L1 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L1 được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Chị L1, anh L xác định quá trình chung sống anh chị có 01 đứa con tên Nguyễn Minh S– sinh ngày: 16/3/2005. Hiện cháu Sang trên 7 tuổi, tại bản khai cháu Sang có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị L1 nên sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con của anh chị là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần ghi nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã phân tích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L1 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L1 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007439 ngày 31/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim L1 được ly hôn anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Minh S – sinh ngày: 16/3/2005, cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

(Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)

Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, quản lý và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L1 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007439 ngày 31/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho chị L1, anh L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Lâm